

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẾ GIỚI SỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---**

Số: 01/07-2016/BĐH/DGW

TP.HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2016

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh
Quý II/2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Đầu tiên, Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") xin gửi tới Quý Ủy ban lời chào trân trọng và hợp tác.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2016 của Báo cáo tài chính riêng do Công ty lập ngày 18 tháng 07 năm 2016. Công ty giải thích nguyên nhân một số chỉ tiêu năm 2016 và năm 2015 giảm cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015	Tăng/ giảm (%)	Nguyên nhân
Doanh thu thuần	939,547,975,160	1,159,248,971,169	(19%)	Do sự sụt giảm doanh số bán hàng của nhãn Nokia
Lợi nhuận trước thuế	11,148,829,119	36,851,877,445	(70%)	

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu BĐH.

**CTCP THẾ GIỚI SỐ
TỔNG GIÁM ĐỐC**
Đoàn Hồng Việt

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 27



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiên Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiên Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 12 của báo cáo tài chính riêng, Công ty là công ty mẹ của công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,188,729,697,047	1,170,507,052,965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15,084,205,801	30,935,444,507
1. Tiền	111		15,084,205,801	30,935,444,507
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,900,000,000	4,900,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4,900,000,000	4,900,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		406,885,473,567	348,987,791,367
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		328,445,935,079	317,246,505,287
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		85,518,649,765	18,087,773,476
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1,607,431,615	22,340,055,496
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(8,690,849,291)	(8,690,849,291)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,306,399	4,306,399
IV. Hàng tồn kho	140		645,896,292,114	669,576,016,876
1. Hàng tồn kho	141		645,896,292,114	669,576,016,876
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		115,963,725,565	116,107,800,215
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13,006,367,421	16,334,943,484
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		102,957,358,144	99,772,856,731
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87,674,801,606	85,220,502,475
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,201,670,000	2,201,670,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2,201,670,000	2,201,670,000
II. Tài sản cố định	220		83,757,388,941	81,294,875,482
1. Tài sản cố định hữu hình	221		26,817,768,199	24,258,940,592
<i>Nguyên giá</i>	222		46,498,911,495	42,176,019,795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19,681,143,296)	(17,917,079,203)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		56,939,620,742	57,035,934,890
<i>Nguyên giá</i>	228		58,509,622,898	58,509,622,898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,570,002,156)	(1,473,688,008)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,100,000,000	1,100,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		1,100,000,000	1,100,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
6. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		615,742,665	623,956,993
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		615,742,665	623,956,993
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,276,404,498,653	1,255,727,555,440

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		684,658,666,868	646,990,854,167
I. Nợ ngắn hạn	310		657,436,113,990	619,296,081,289
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		157,758,243,621	153,899,134,619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,801,156,314	3,962,290,337
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		3,395,404,656	5,754,714,116
4. Phải trả người lao động	314		12,539,739,025	15,231,247,178
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,742,731,938	1,871,363,656
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		36,581,755,840	15,670,346,860
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		442,617,082,596	422,906,984,523
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27,222,552,878	27,694,772,878
7. Phải trả dài hạn khác	337		4,322,552,878	4,794,772,878
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		22,900,000,000	22,900,000,000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		591,745,831,785	608,736,701,273
I. Vốn chủ sở hữu	410		591,745,831,785	608,736,701,273
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		306,133,290,000	306,133,290,000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		306,133,290,000	306,133,290,000
3. - Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Thặng dư vốn cổ phần	412		152,617,941,416	152,617,941,416
7. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
10. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
13. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a		138,867,537,535	155,858,407,023
14. - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	421b		110,165,617,023	52,095,022,236
15. - LNST chưa phân phối kỳ này	422		28,701,920,512	103,763,384,787
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,276,404,498,653	1,255,727,555,440

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2016

Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

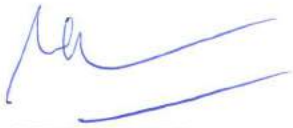
Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		950,989,008,378	1,169,368,767,533	1,773,118,728,417	2,109,225,333,312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(11,441,033,218)	(10,119,796,364)	(22,470,541,982)	(17,102,848,526)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		939,547,975,160	1,159,248,971,169	1,750,648,186,435	2,092,122,484,786
4. Giá vốn hàng bán	11		(888,239,947,104)	(1,083,657,701,683)	(1,637,300,620,311)	(1,946,056,244,719)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51,308,028,056	75,591,269,486	113,347,566,124	146,066,240,067
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,326,214,654	1,919,548,873	8,616,643,429	3,030,459,678
7. Chi phí tài chính	22		(9,358,868,047)	(13,923,089,664)	(14,869,535,057)	(22,693,780,521)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19,259,444,010	(8,247,055,554)	14,176,286,483	(14,253,637,102)
8. Chi phí bán hàng	24		(21,952,106,065)	(18,572,686,380)	(47,633,064,553)	(36,656,698,531)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(13,146,458,454)	(9,302,206,233)	(24,218,382,466)	(18,044,015,494)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,176,810,144	35,712,836,082	35,243,227,477	71,702,205,199
11. Thu nhập khác	31		1,409,297,048	1,487,712,675	1,640,193,477	5,752,853,314
12. Chi phí khác	32		(437,278,073)	(348,671,312)	(793,143,018)	(663,741,109)
13. Lợi nhuận khác	40		972,018,975	1,139,041,363	847,050,459	5,089,112,205
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,148,829,119	36,851,877,445	36,090,277,936	76,791,317,404
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(2,400,067,661)	(8,264,723,448)	(7,388,357,424)	(17,051,400,239)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8,748,761,458</u>	<u>28,587,153,997</u>	<u>28,701,920,512</u>	<u>59,739,917,165</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-


Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Võ Xuân Huy
Kế toán trưởngĐoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ nay	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,867,468,568,298	1,990,699,075,261
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2,197,437,268,266)	(2,272,342,753,013)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(34,413,543,822)	(25,829,255,913)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(13,928,610,351)	(14,747,451,703)
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(10,130,006,431)	(21,448,179,625)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		545,904,708,745	504,635,632,995
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(160,408,958,772)	(194,356,277,623)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,945,110,599)	(33,389,209,621)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4,322,891,700)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		239,455,520	296,082,065
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4,083,436,180)	296,082,065

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

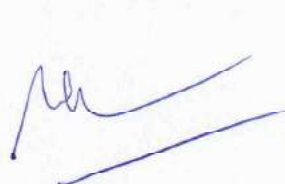
Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		193,746,400,000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32					
3. Tiền thu từ đi vay	33		1,396,917,059,920		1,541,730,963,937	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,377,206,961,847)		(1,727,266,224,215)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28,532,790,000)		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8,822,691,927)		8,211,139,722	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15,851,238,706)		(24,881,987,834)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30,935,444,507		68,267,019,973	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	15,084,205,801		43,385,032,139	



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu



Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2016

Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 414 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 344).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 ("báo cáo tài chính hợp nhất").

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình

hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	234.601.003	250.379.529
Tiền gửi ngân hàng	14.849.604.798	30.685.064.978
TỔNG CỘNG	15.084.205.801	30.935.444.507

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp tiền gửi ngân hàng trị 100.000 đô la Mỹ để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Khoản này thể hiện giá trị tiền gửi có kỳ hạn 1 năm vào Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam và hưởng lãi suất 6% một năm. Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp khoản tiền này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	49.904.033.953	54.205.289.525
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Viễn Thông A	37.644.884.016	42.380.556.897
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	16.444.741.691	8.814.798.145
Khác	224.452.275.419	211.845.860.720
TỔNG CỘNG	328.445.935.079	317.246.505.287
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.690.849.291)	(8.690.849.291)
GIÁ TRỊ THUẬN	319.755.085.788	308.555.655.996

6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Invesia International Limited	27.049.832.777	11.319.444.647
DRAGON TECHNOLOGY DISTRIBUTION PTE.LTD	27.735.144.702	-
GOLDEN CHINA INTERNATIONAL COMPANY	25.105.023.754	-
Khác	5.628.648.532	6.768.328.829
TỔNG CỘNG	85.518.649.765	18.087.773.476

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	248,075,245	21.063.313.377
Tạm ứng cho nhân viên	1,018,775,395	411.802.147
Khác	340.580.975	864.939.972
	1.607.431.615	22.340.055.496
Dài hạn		
Đặt cọc, kỳ quỹ	2.201.670.000	2.201.670.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	3.809.101.615	24.541.725.496

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	579.405.378.948	614.963.940.334
Hàng mua đang đi đường	18.407.557.048	38.895.751.176
Hàng gửi đi bán	47.220.654.980	15.098.173.821
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	862.701.138	618.151.545
TỔNG CỘNG	<u>645.896.292.114</u>	<u>669.576.016.876</u>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	11.395.568.186	14.848.940.279
Công cụ, dụng cụ	1.610.799.235	1.486.003.205
TỔNG CỘNG	<u>13.006.367.421</u>	<u>16.334.943.484</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	21.183.180.735	2.145.916.525	16.059.938.106	2.786.984.429	42.176.019.795
Mua mới	-	-	4.322.891.700	-	4.322.891.700
Số cuối kỳ	21.183.180.735	2.145.916.525	20.382.829.806	2.786.984.429	46.498.911.495
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thế chấp vay</i> <i>(Thuyết minh số 17)</i>	21.183.180.735	-	-	-	21.183.180.735
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(5.388.056.314)	(727.597.615)	(9.083.068.711)	(2.718.356.563)	(17.917.079.203)
Khấu hao trong kỳ	(426.802.548)	(192.508.086)	(1.117.298.824)	(27.454.635)	(1.764.054.093)
Số cuối kỳ	(5.814.858.862)	(920.105.701)	(10.200.367.535)	(2.745.811.198)	(19.681.143.296)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	15.795.124.421	1.418.318.910	6.976.869.395	68.627.866	24.258.940.592
Số cuối kỳ	15.368.321.873	1.225.810.824	10.182.462.271	41.173.231	26.817.768.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối kỳ	<u>56.550.000.000</u>	<u>1.959.622.898</u>	<u>58.509.622.898</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i> Thế chấp vay (Thuyết minh số 17)</i>	<u>56.550.000.000</u>	-	<u>56.550.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(1.473.688.008)	(1.473.688.008)
Hao mòn trong kỳ	-	(96.314.148)	(96.314.148)
Số cuối kỳ	-	<u>(1.570.002.156)</u>	<u>(1.570.002.156)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>56.550.000.000</u>	<u>485.934.890</u>	<u>57.035.934.890</u>
Số cuối kỳ	<u>56.550.000.000</u>	<u>389.620.742</u>	<u>56.939.620.742</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	<u>1.100.000.000</u>	<u>100</u>	<u>1.100.000.000</u>	<u>100</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Asus Global Pte. Ltd.	86.102.581.270	30.185.973.198
Dell Global B.V (Singapore Branch)	26.958.267.680	21.831.158.500
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	4.295.668.624	43.288.643.718
Khác	<u>40.401.726.047</u>	<u>58.593.359.203</u>
TỔNG CỘNG	<u>157.758.243.621</u>	<u>153.899.134.619</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i> Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	5.355.007.899	700.603.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	5.445.358.043	7.388.357.424	(10.130.006.431)	2.703.709.036
Thuế thu nhập cá nhân	309.356.073	4.157.882.027	(3.775.542.480)	691.695.620
TỔNG CỘNG	5.754.714.116	11.546.239.451	(13.905.548.911)	3.395.404.656

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay	1.124.641.111	876.964.979
Chiết khấu thương mại	-	714.517.936
Chi phí hoạt động	618.090.827	279.880.741
TỔNG CỘNG	1.742.731.938	1.871.363.656

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	25.960.000.000	8.800.000.000
Chi trả hộ	8.135.871.419	5.911.338.983
Phải trả Bảo hiểm, Công Đoàn	1.057.661.513	840.826.059
Khác	1.428.222.908	118.181.818
	36.581.755.840	15.670.346.860
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	3.562.122.999	4.034.342.999
Khác	760.429.879	760.429.879
	4.322.552.878	4.794.772.878

17. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Số cuối kỳ
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng	417.306.984.523	1.396.917.059.920	(1.374.406.961.847)	439.817.082.596
Vay dài hạn đến hạn trả	5.600.000.000		(2.800.000.000)	2.800.000.000
	<u>422.906.984.523</u>	<u>1.396.917.059.920</u>	<u>(1.377.206.961.847)</u>	<u>442.617.082.596</u>
Dài hạn				
Vay ngân hàng	22.900.000.000	-	-	22.900.000.000
TỔNG CỘNG	<u>445.806.984.523</u>			<u>465.517.082.596</u>

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn	18.400.000.000	Từ 14 tháng 4 năm 2016 đến 14 tháng 08 năm 2016	5	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	63.111.963.027	Từ 27 tháng 4 năm 2016 đến 16 tháng 10 năm 2016	5	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	180.200.000.000	Từ 20 tháng 04 năm 2016 đến 28 tháng 09 năm 2016	Từ 3,8 đến 5,6	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	178.105.119.569	Từ 21 tháng 04 năm 2016 đến 30 tháng 09 năm 2016	Từ 3,8 đến 5,3	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn
	<u>439.817.082.596</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

17.2 Khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ</i> VND	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i> %/ năm	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	<u>25.700.000.000</u>	Hoàn trả trong vòng 20 lần thanh toán, hàng quý, cho đến 25 tháng 12 năm 2019	9,0	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại 284A và 282 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	22.900.000.000			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	2.800.000.000			

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

E09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	108.024.690.000	35.549.217.650	(82.850.613.400)	400.000.000	273.635.822.236	334.759.116.486
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	117.068.723.766	76.577.676.234	-	-	193.646.400.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	127.812.000.000	-	-	-	(127.812.000.000)	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	70.296.600.000	-	-	-	(70.296.600.000)	-
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	-	(23.432.200.000)	(23.432.200.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	103.763.384.787	103.763.384.787
Số cuối năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.858.407.023	608.736.701.273
Năm nay						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.858.407.023	608.736.701.273
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	-	(45.692.790.000)	(45.692.790.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	28.701.920.512	28.701.920.512
Số cuối kỳ	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	138.867.537.535	591.745.831.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Created Future	114.400.000.000	37.56	114.400.000.000	37.56
PYN Fund Management Ltd	30.426.310.000	9.99	30.626.310.000	10.05
Probus Opportunities	16.461.660.000	5.40	-	0.00
Bà Đặng Kiên Phương	17.327.050.000	5.69	17.327.050.000	5.69
Ông Đoàn Anh Quân	14.071.200.000	4.62	14.071.200.000	4.62
Ông Đoàn Hồng Việt	13.977.730.000	4.59	13.977.730.000	4.59
Bà Tô Hồng Trang	10.586.290.000	3.48	10.586.290.000	3.48
Các cổ đông khác	87.368.360.000	28.68	103.630.020.000	34.02
Cổ phiếu quỹ	1.514.690.000		1.514.690.000	
TỔNG CỘNG	306.133.290.000	100,00	306.133.290.000	100,00

18.3 Cổ tức

	VND	
	Kỳ này	Năm trước
Cổ tức đã trả trong kỳ		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	70.296.600.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	28.532.790.000	14.632.200.000

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu phổ thông	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu phổ thông	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	30.461.860	30.461.860
Cổ phiếu phổ thông	30.461.860	30.461.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu:	1.773.118.728.417	2.109.225.333.312
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.773.118.728.417</i>	<i>2.109.225.333.312</i>
Trừ:		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(22.470.541.982)</i>	<i>(17.102.848.526)</i>
DOANH THU THUẦN	<u>1.750.648.186.435</u>	<u>2.092.122.484.786</u>

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	239.455.520	296.082.065
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.491.904.959	2.250.512.962
Chiết khấu thanh toán được hưởng	4.885.282.950	470.111.878
Khác	-	13.752.773
TỔNG CỘNG	<u>8.616.643.429</u>	<u>3.030.459.678</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	1.637.300.620.311	1.946.056.244.719

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	25.155.070.345	15.996.851.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.634.282.549	19.174.956.765
Khác	3.843.711.659	1.484.889.809
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	13.639.797.264	9.819.812.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.549.361.414	4.883.825.134
Khác	4.029.223.788	3.340.378.120
TỔNG CỘNG	<u>71.851.447.019</u>	<u>54.700.714.025</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay phải trả	14.176.286.483	14.253.637.102
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	425.893.957	2.853.453.767
Chiết khấu thanh toán	267.354.617	5.586.689.652
TỔNG CỘNG	14.869.535.057	22.693.780.521

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	1.640.193.477	4.265.140.639
Thu nhập từ hàng hỗ trợ	-	3.543.439.135
Khác	1.640.193.477	2.209.414.179
Chi phí khác	793.143.018	663.741.109
THU NHẬP THUẦN	847.050.459	5.089.112.205

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá mua hàng hóa	1.642.302.261.359	1.948.428.431.010
Chi phí nhân công	38.794.867.609	25.816.664.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.860.378.241	12.170.890.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.569.552.720	960.175.157
Chi phí bằng tiền khác	16.397.668.729	13.380.798.054
TỔNG CỘNG	1.709.924.728.658	2.000.756.958.744

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
Lợi nhuận thuần trước thuế	40,525,197,613	76.791.317.404
<i>Các điều chỉnh</i>		
Chi phí không được khấu trừ	851.509.184	714.489.468
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của kỳ trước	-	(3.543.439.135)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	41,376,706,797	73.962.367.737
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	7.388.357.424	16.271.720.902
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu của kỳ trước	-	779.679.337
Chi phí thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	7.388.357.424	17.051.400.239
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	5.445.358.043	11.881.823.497
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(10.130.006.431)	(21.448.179.625)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	2.703.709.036	7.485.044.111

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	16.991.895.624	1.030.534.914
		Bán hàng hoá và dịch vụ	450.553.280	-

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	5.355.007.899	700.603.944
			<u>5.355.007.899</u>	<u>700.603.944</u>
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Cổ tức phải trả	25.960.000.000	8.800.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát và ban Giám đốc:

	Kỳ nay	VND Kỳ trước
Lương và thưởng	<u>2.441.582.700</u>	<u>1.556.843.604</u>

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

27.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	283.302.080	3.157.929.876
Từ 1 đến 5 năm	<u>3.648.000.000</u>	<u>3.744.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.931.302.080</u>	<u>6.901.929.876</u>

27.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp	Phần vốn cam kết còn phải góp
		Số tiền	%		
	VND	VND		Số tiền	Số tiền
				VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>	100	<u>1.100.000.000</u>	<u>98.900.000.000</u>

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


 Vũ Thị Mai Hân
 Người lập biểu


 Võ Xuân Huy
 Kế toán trưởng


 Đoàn Hồng Việt
 Tổng Giám đốc



Ngày 18 tháng 7 năm 2016

